

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-PT

Ngày 11-5-2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huy Huân

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Đức Trường

Ông Nguyễn Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11-5-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2021/TLPT-DS ngày 02-4-2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 06-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2021/QĐPT-DS ngày 27-4-2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976, địa chỉ: tổ 06, thị trấn Y, huyện M, tỉnh Hà Giang; có mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1962, địa chỉ: thôn N, thị trấn Y, huyện M, tỉnh Hà Giang; có mặt

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23-7-2019 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Gia đình ông có 03 thửa đất tọa lạc tại thôn N, thị trấn Y, huyện M, tỉnh Hà Giang đều được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2017, trong đó có 02 thửa đất số 574 diện tích 360.5m² và thửa số 575 diện tích 726m², có nguồn gốc do bố mẹ ông khai phá từ năm 1967 chia cho để sử dụng. Năm 2013, ông P mượn thửa số 574 diện tích 360,5m² để sử dụng làm bãi nghiền đá. Năm 2019, do gia đình ông cần

diện tích đất nêu trên để canh tác nên đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Văn P di chuyển toàn bộ máy móc, vật liệu đá ra khỏi diện tích đất, không làm đường cho xe ô tô ra vào bãi và trả lại nguyên trạng đất cho ông H nhưng ông P không chuyển, cố tình gây khó khăn dùng máy xúc san lấp đào bới mà không được sự cho phép của ông H với lý do đòi chia đất. Ông H cho rằng vợ chồng ông P đã ra ở riêng 30 năm, trước đây mỗi người con ra ở riêng đều đã được bố mẹ chia phần đất để canh tác sinh sống, trong đó có vợ chồng ông P. Ông H cho rằng mục đích ông P muốn chiếm đoạt số diện tích đất trên, mặt khác ông P đòi ông H phải chi trả số tiền 150.000.000 đồng mới di dời máy móc ra khỏi đất của ông H. Trong thời gian ông P đặt máy từ năm 2012, 2013 đến nay là 6 năm, ông H không lấy đồng nào tiền thuê mặt bằng. Trong các ngày 07, 11 và 26-6-2019, UBND thị trấn Y tổ chức hòa giải nhưng cả 3 lần mời ông P cùng những người liên quan không đến, do việc hòa giải không thành hiện nay ông P vẫn chưa chuyển máy xay sát đá để trả đất cho ông. Nay ông yêu cầu ông P phải trả lại mặt bằng và diện tích đất 360.5m² hiện tại ông P đang sử dụng cho gia đình ông H.

Tại bản tự khai ngày 27-3-2020 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Ông P không nhất trí với yêu cầu của ông H về việc đòi lại diện tích đất 360.5m² vì vào năm 1994 ông P thấy ở khu đất đang có tranh chấp mà gia đình ông đang sản xuất đá có một bãi sỏi trống rộng khoảng 500m² đến 600m² đất bỏ hoang từ lâu, ông P đến nhặt sỏi to thu gom đắp thành bờ xung quanh bãi sỏi đó và trực tiếp khai thác đá vôi ở gần đó đắp thêm vào bờ. Sau một năm phù sa lắng đọng lại thành một bãi nương đất, bên ngoài đám nương là dòng suối chảy theo hình chữ V, suối chảy sát vào chân đường quốc lộ 4C đoạn tránh qua thị trấn Y, vào năm 2010 khi nước chảy vào đến chân tả ly Quốc lộ 4C tạo thành một vũng nước xoáy vào dưới chân gốc cây keo do ông Nguyễn Việt Đ em trai ông trồng. Sau một thời gian ngắn ông P chuyển về khu đất đó làm bãi khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, do đường vận chuyển vật liệu đi qua vòng vèo không thuận tiện cho việc mua bán, đến tháng 02-2013 ông P uốn suối đi qua đám nương của ông P theo đường thẳng và mở đường đổ đất đắp thành con đường từ gốc cây keo xuống suối thành một con đường thẳng vào bãi đá với độ sâu của lòng suối so với mặt đường hiện tại khoảng 15m và từ cây keo cắt chéo xuống khóm chuối của bà nội trồng, hiện tại theo bản đồ vệ tinh chụp năm 2016 sau khi ông P mở đường vào, sau đó ông H cũng tranh thủ đổ đất từ gốc cây keo theo phía vào tả ly sát đất về hai bên búi chuối vào khoảng 9m đến 10m, sau đó ông P tiếp tục đổ đất nối tiếp vào dòng suối cũ để làm bề mặt đặt máy và được hoàn thành sau một thời gian ngắn, ông P đã đặt máy cho đến nay. Trước khi đổ đất vào làm mặt bằng trên ông H có nói với con trai thứ hai của ông P là từ cây keo trở lên trên không tính toán gì và từ cây keo trở về dưới chú vẫn cho bố con chúng mày một thổ như lời ông nội đã quá cố nhấn lại và lời ông nội nhấn lại chỉ truyền miệng không có di chúc.

Đến năm 2017 ông H làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào phần đường và một phần lòng suối cũ do ông P tôn tạo, ông P không nói gì vì nghĩ chỗ anh em ruột thịt sau này ông H sẽ chia lại đất cho ông P công bằng, tuy nhiên sau

khi có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H lại lật mặt đòi đất. Ông P cho rằng việc uốn lòng suối phần lòng suối cũ ông P tôn tạo đến đâu là quyền sử dụng của ông P, trong khi tôn tạo đến đâu ông P đã cho máy khơi lại dòng suối đến đó do vậy ông P đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định và thẩm định trực tiếp, làm cho sự việc được rõ ràng, vì những lý do đó ông P không nhất trí trả lại diện tích đất theo đơn yêu cầu của ông H.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21-4-2021 bà Mai Thị L trình bày: Bà L và ông Nguyễn Văn H có quan hệ vợ chồng, nguồn gốc thửa đất gia đình bà đang tranh chấp với ông P có nguồn gốc từ bố mẹ chồng bà khai phá năm 1962, tuy nhiên trên giấy tờ chứng minh là năm 1967. Sau đó chia cho chồng bà là ông Nguyễn Văn H sử dụng, đến năm 1999 bà và ông H kết hôn bố mẹ chồng giao thửa đất trên cho hai vợ chồng bà canh tác, sử dụng liên tục cho đến khi ông P đặt máy xay đá từ năm 2012; đến năm 2017 vợ chồng bà được UBND huyện M cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất đang có tranh chấp có diện tích là 360.5m², thửa đất số 574, tờ bản đồ số 15, địa chỉ thửa đất thuộc thôn N, thị trấn Y, huyện M, tỉnh Hà Giang với mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác, giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên đứng tên cả hai vợ chồng bà. Bà L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên ông Nguyễn Văn P phải trả lại diện tích đất 360.5m² theo yêu cầu khởi kiện của chồng bà là ông Nguyễn Văn H. Trong quá trình khởi kiện ông H đã thay mặt bà L thực hiện việc khởi kiện do vậy bà không đề nghị Tòa án đưa bà vào tham gia tố tụng vì bà đã ủy quyền bằng miệng cho chồng bà quyết định mọi vấn đề của vụ án. Bản thân bà thấy việc Tòa án nhân dân huyện M trong quá trình giải quyết vụ án không đưa bà vào tham gia tố tụng không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà vì chồng bà tham gia tố tụng đều thông báo, bàn bạc với bà được biết. Do vậy ông H là người đại diện cho gia đình bà L giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất là không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà, mặt khác bà rất bận nên không thể tham gia tố tụng được, đề nghị Tòa án không triệu tập bà, chỉ triệu tập ông H tham gia tố tụng là được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 06-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9, khoản 16 Điều 3, Điều 54, 55, 59, 97 và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 157, Điều 158, 163, 164 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165, Điều 166, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về đòi lại diện tích đất 360.5 m² trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số CB 052203 do UBND huyện M cấp ngày 28/12/2017 cho ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị L, thửa số 574, tờ bản đồ 15, địa chỉ thôn N, thị trấn Y, huyện M, tỉnh Hà Giang có tứ cận cụ thể: Phía Đông tiếp giáp với đất của ông Nguyễn Văn H có chiều dài đường tiếp giáp là 23.2m; phía tây tiếp giáp

với đất của ông Nguyễn Văn P có chiều dài đường tiếp giáp là 30m; Phía nam tiếp giáp với đường tránh Quốc lộ 4C có chiều dài đường tiếp giáp 6.75m; Phía bắc tiếp giáp với đất của ông Nguyễn Văn P có chiều dài đường tiếp giáp là 22.7m.

2. Buộc ông Nguyễn Văn P phải vận chuyển, di dời toàn bộ máy móc, thiết bị, vật liệu xây dựng và 611m³ đất đá ra khỏi thửa đất đang có tranh chấp để trả lại nguyên trạng thửa đất cho gia đình ông Nguyễn Văn H.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 28-01-2021 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 06-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện M do xác định thiếu tư cách tham gia tố tụng đối với bà Mai Thị L là vợ của ông Nguyễn Văn H; Hội đồng xem xét thẩm định xác định diện tích đất đang tranh chấp nằm trong diện tích của Giấy CNQSD đất số CB 052203 do UBND huyện M cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị L nhưng không vẽ sơ đồ thửa đất làm căn cứ đối chiếu với Giấy CNQSD đất, bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa làm căn cứ giải quyết vụ án và thuận lợi cho quá trình thi hành bản án; Không tính công sức đóng góp của ông Nguyễn Văn P trong việc làm tăng giá trị thửa đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên giữ nguyên kháng nghị, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện M xét xử lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28-01-2021 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về nội dung Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu tư cách tham gia tố tụng đối với bà Mai Thị L là vợ của ông Nguyễn Văn H với vai trò là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thấy: Diện tích đất tranh chấp là 360.5m², thửa đất số 574, tờ bản đồ số 15, địa chỉ thửa đất thuộc thôn N, thị trấn Y, huyện M, tỉnh Hà Giang với mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện M cấp

Giấy CNQSD đất cho ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị L. Do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Mai Thị L tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm đã tiến hành lấy lời khai bà Mai Thị L, bà L cho biết toàn bộ nội dung khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án đều có sự bàn bạc, thống nhất với nguyên đơn là ông H, việc Tòa án nhân dân huyện M trong quá trình giải quyết vụ án không đưa bà vào tham gia tố tụng không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, nay bà đề nghị không đưa bà tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Xét nội dung kháng nghị về việc cấp sơ thẩm khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ không vẽ sơ đồ hiện trạng đất tranh chấp làm căn cứ giải quyết vụ án thấy: Ngày 30-7-2020, Tòa án nhân dân huyện M tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đất tranh chấp đã xác định vị trí, diện tích, tứ cận thửa đất, tài sản trên đất nhưng không vẽ sơ đồ thửa đất là thiếu sót.

[5] Quá trình xét xử tại cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ bổ sung vào ngày 22-4-2021 và tiến hành vẽ sơ đồ hiện trạng thửa đất đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Văn P theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Xét kháng nghị về nội dung cấp sơ thẩm không xem xét công sức ông P đã tôn tạo làm tăng giá trị thửa đất thấy: thửa đất tranh chấp có diện tích là 360.5m², thửa đất số 574, tờ bản đồ số 15, địa chỉ thửa đất thuộc thôn N, thị trấn Y, huyện M, tỉnh Hà Giang với mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác, được UBND huyện M cấp Giấy CNQSD đất ngày 28-12-2017 mang tên ông Nguyễn Văn H, bà Mai Thị L đều được các bên đương sự thừa nhận, không có tranh chấp về việc cấp Giấy CNQSD đất.

[7] Khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định ông P đã đổ 611m³ đất lẫn đá vào diện tích đất tranh chấp. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đều yêu cầu ông Nguyễn Văn P trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp, chuyển toàn bộ máy móc thiết bị xây sát đá ra khỏi khu vực đất tranh chấp, trả lại mặt bằng nguyên hiện trạng đất cho nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phía ông P không có yêu cầu gì về số lượng đất đã đổ mà chỉ yêu cầu ông H phải chia cho ông P một thửa đất như ông H đã hứa và phải trả cho ông phần diện tích đất phía sau do ông đã tôn tạo, nắn dòng suối. Tuy nhiên, ông P không đưa ra căn cứ chứng minh về việc ông H hứa cho đất, hơn nữa khi ông H kê khai cấp Giấy CNQSD đất thì ông P là người ký giáp ranh, điều đó thể hiện ông P công nhận toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của ông H, bà L.

[8] Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông P trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp, đồng thời phải vận chuyển, di dời toàn bộ máy móc, thiết bị, vật liệu xây dựng và 611m³ đất lẫn đá ra khỏi diện tích đất tranh chấp để trả lại nguyên trạng đất cho ông H là có căn cứ.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang là có căn cứ; cấp phúc thẩm đã khắc phục

các thiếu sót của cấp sơ thẩm nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm; HĐXX yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm phải nghiêm túc rút kinh nghiệm trong quá trình giải quyết án.

[10] Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Nguyễn Văn P chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn H đã nộp là thiếu sót, làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của ông H, do vậy Hội đồng xét xử cần sửa Bản án sơ thẩm về phần án phí.

[11] Về án phí phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về chi phí tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông P phải chịu 1.000.000 đồng chi phí tố tụng, do ông H đã nộp tạm ứng số tiền này nên buộc ông P phải trả cho ông H số tiền 1.000.000 đồng là đúng, nhưng cấp sơ thẩm không tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm trả là thiếu sót, cấp phúc thẩm sẽ tuyên bổ sung cho đầy đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 06-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện M về phần án phí.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 9, khoản 16 Điều 3, Điều 54, Điều 55, Điều 59, Điều 97, Điều 105, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 158, Điều 163, Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H; buộc ông Nguyễn Văn P trả lại cho ông Nguyễn Văn H 360,5m² đất tại thôn N, thị trấn Y, huyện M, tỉnh Hà Giang đã được UBND huyện M cấp Giấy CNQSD đất số CB 052203 ngày 28-12-2017 cho ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị L tại thửa đất số 574, tờ bản đồ số 15 thị trấn Y, huyện M, tỉnh Hà Giang có tứ cận: Phía Đông tiếp giáp với đất của ông Nguyễn Văn H dài 23,2m; phía Tây tiếp giáp với đất của ông

Nguyễn Văn P dài 30m; Phía Nam tiếp giáp với đường tránh Quốc lộ 4C dài 6,75m; Phía Bắc tiếp giáp với đất của ông Nguyễn Văn P dài 22,7m. (có sơ đồ kèm theo).

2. Buộc ông Nguyễn Văn P phải vận chuyển, di dời toàn bộ 611m³ đất lẫn đá và các tài sản khác có trên đất ra khỏi thửa đất tranh chấp để trả lại nguyên trạng thửa đất cho gia đình ông Nguyễn Văn H.

3. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn P phải chịu 1.000.000 đồng tiền xem xét thẩm định, định giá tài sản. Do ông Nguyễn Văn H đã tạm ứng nộp số tiền này nên ông P phải trả lại cho ông H số tiền 1.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Nguyễn Văn H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M theo biên lai số BB/2013/05796 ngày 19-02-2020.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện M;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi Cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Huy Huân